

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HN&GD-ST

Ngày 31/5/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hiệp và ông Đào Xuân Tím

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-HN&GD ngày 08 tháng 01 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HN&GD ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ng – sinh năm 1984

ĐKKHKT: Khu phố G, thị trấn Phú Th, huyện KT, tỉnh HD.

Trú tại: Số 160, quốc lộ 5, khu Phố G, thị trấn Phú Th, huyện KT, tỉnh HD

- Bị đơn: Anh Dương Tiến D – sinh năm 1977

ĐKKHKT: Khu Phố G, thị trấn Phú Th, huyện KT, tỉnh HD.

Trú tại: Căn hộ 06-14 Block EA3 chung cư Kỷ Ng – the Era Town Đức Kh, phường Phú M, quận 7, thành phố HCM

(Chị Ng, anh D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị Ng trình bày: Chị và anh Dương Tiến D được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2003 tại UBND phường Nguyễn Tr, thành phố HD, tỉnh HD. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 6 năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống, anh D là người không chung thủy có biểu hiện quan hệ với người phụ nữ khác. Anh D hiện đang công tác trong miền nam, vợ chồng xa cách và không có thời gian gần nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi nhau, lời qua tiếng lại. Do mâu thuẫn xảy ra nên anh D đã ở hẳn trong thành phố HCM, vợ chồng ly thân nhau kể từ năm 2011 cho đến nay cắt đứt hoàn toàn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Trong quá trình ly thân, hai bên không nói chuyện gì với nhau về việc hàn gắn tình cảm nên vợ chồng vẫn ly thân. Mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình đều biết và có khuyên bảo vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không thể hoà hợp được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung: Dương Nhật M – sinh ngày 23/3/2008, Dương Thục A – sinh ngày 01/8/2004. Hiện hai con chung đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang làm công ty Nam Lee tại phường Long X, thị xã Kinh M với mức thu nhập 8 triệu đồng/tháng nên sẽ đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, chị tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn lựa chọn Toà án giải quyết ly hôn ngày 02/12/2020 và đơn trình bày, đề nghị ngày 13/4/2021 của anh Dương Tiến D có xác nhận của UBND phường Phú M. Anh D trình bày: Anh thống nhất lựa chọn Toà án nhân dân huyện Kim Thành là nơi giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Lê Thị Ng. Anh xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các thông báo, giấy triệu tập của Toà án nhưng do công việc ở xa nên anh không thể về Toà án làm việc được. Anh đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Anh và chị Ng kết hôn năm 2003 tại UBND phường Nguyễn Tr, thành phố HD trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn và chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hoà hợp được. Nay anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, chị Ng có đơn xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Anh và chị Ng có 02 con chung: Dương Nhật M – sinh ngày 23/3/2008 và Dương Thục A – sinh ngày 01/8/2004. Hiện đang ở cùng chị Ng. Sau khi ly hôn các cháu muốn ở với ai thì tùy các cháu, anh luôn tôn trọng quyết định của các cháu. Nếu các cháu muốn ở với chị Ng thì anh cũng đồng ý. Nếu các cháu muốn

ở với anh thì anh cũng sẽ có trách nhiệm nuôi các cháu. Nếu anh nuôi con thì anh không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử chị Ng, anh D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Ng vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 39 Bộ luật Dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Ng được ly hôn anh Dương Tiến D. Về con chung: Giao con chung Dương Nhật M – sinh ngày 23/3/2008 và Dương Thực A – sinh ngày 01/8/2004 cho chị Lê Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Ng và anh D đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Ng, anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ng và anh Dương Tiến D kết hôn vào năm 2003, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau và sống trong xa cách thời gian dài nên không còn yêu thương, quan tâm tới nhau nữa. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2011 đến nay nhưng anh Dũng cũng không có biện

pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị Ng. Anh D cũng xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và nay không thể chung sống cùng nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị Ng. Chị Ng vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh D. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ng xin được ly hôn anh Dương Tiến D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Ng và anh D có 2 con chung: Dương Nhật M – sinh ngày 23/3/2008 và Dương Thục A – sinh ngày 01/8/2004. Xét thấy hai con chung hiện đang ở cùng chị Ng; chị Ng có công việc và thu nhập ổn định, cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với chị Ng, do vậy để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn cuộc sống của con chung nên cần giao con chung Dương Nhật M – sinh ngày 23/3/2008 và Dương Thục A – sinh ngày 01/8/2004 cho chị Lê Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng và anh D đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ng có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ng được ly hôn anh Dương Tiến D.

2. Về con chung: Giao hai con chung: Dương Nhật M – sinh ngày 23/3/2008 và Dương Thục A – sinh ngày 01/8/2004 cho chị Lê Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Dương Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Lê Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0001682 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Lê Thị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh

